TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HC-PT
Ngày 01/4/2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Phạm Ngọc Thái
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Trần Quốc Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 236/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 408/2024/QĐPT-HC ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Y T Kbuôr.

Địa chỉ: đường T, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Ngọc N – Vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023).

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện: UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B:

Ông Trương Văn C - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H Niê (H Niê).

Địa chỉ: đường T, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Ngọc N – Vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2023).

- Người kháng cáo: Người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Y T Kbuôr trình bày: Ông là người đang sử dụng hợp pháp thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09, diện tích 181,3m^2 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, diện tích 341,9m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Tổng diện tích của 02 thửa đất là 523,2m^2; Ông sử dụng ổn định 02 thửa đất nêu trên từ năm 1992 đến nay, không có tranh chấp; năm 1992 ông xây dựng nhà ở trên thửa đất số 01. Năm 2021 UBND thành phố thu hồi 517,4m^2 đất, thuộc 02 thửa đất nêu trên của gia đình ông để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại khối 6, phường T, thành phố B nhưng ông không nhận được quyết định thu hồi đất.

Ngày 25/4/2022 ông nhận được T báo số 23/TB-TTPTQĐ ngày 29/3/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông khi nhà nước thu hồi đất, kèm theo Quyết định số 10201/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại khối 6, phường T, thành phố B; ông được bồi thường, hỗ trợ tài sản gắn liền trên diện tích đất bị thu hồi là 374.254.021 đồng, không được bồi thường về đất. Việc UBND thành phố B thu hồi 517,4m^2 đất của ông nhưng ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông Y N Kbuôr và bà H Niê (là bố, mẹ của ông) là không đúng đối tượng sử dụng đất. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 10201/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại khối 6, phường T, thành phố B và buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, tại phường T, thành phố B.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B trình bày: Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 01, 02, 03, tờ bản đồ số

09, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc được UBND tỉnh Đắk Lắk giao quyền sở hữu nhà ở cho vợ chồng ông Y N Kbuôr và H Niê theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 15/8/1992, trên diện đất 621m^2 tại phường Tân Lập, thị xã B (nay là phường T, thành phố B). Ngày 30/4/1993 Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho vợ chồng ông Y N tại diện tích đất nêu trên. Quá trình sử dụng đất, năm 2000 vợ chồng ông Y N lấn chiếm diện tích đất liền kề của Nông trường Cà phê 11/3 là 117,5m^2. Vì tổng diện tích đo đạc thực địa của ba thửa đất số 01, 02, 03, tờ bản đồ số 09 là 738,5 m^2 lớn hơn diện tích được giao nhà ở là 117,5m^2. Thực tế, UBND thành phố của UBND B thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại khối 6, phường T, thành phố B, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09, diện tích đất thu hồi 179,7m^2 là đất trồng cây lâu năm; thu hồi đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, diện tích đất thu hồi 337,7m^2 là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 117,7m^2 đất do lấn chiếm; thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, diện tích đất thu hồi 52,4m^2 là đất trồng cây lâu năm; cả 03 thửa đất nêu trên, đều thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Y N. Ông Y T xây dựng nhà ở trên thửa đất số 01 vào năm 1992. Như vậy, ông Y T không thuộc đối tượng thu hồi đất, nên không có căn cứ để giải quyết bồi thường về đất cho ông Y T. Ngày 31/12/2021 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10201/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho vợ chồng ông Y N đối với diện tích đất bị thu hồi, thuộc các thửa đất số 01, 02, 03, tờ bản đồ số 09; Bồi thường và hỗ trợ cho ông Y T về tài sản gắn liền trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09 là đúng với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét và xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Y T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H Niê (H Niê) trình bày: Bà và ông Y N Kbuôr là vợ chồng (ông Y N đã chết vào ngày 11/01/2022), ông Y T Kbuôr là con đẻ của vợ chồng bà. Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 01, 02 và 03, tờ bản đồ số 09, tại phường T, thành phố B có nguồn gốc được UBND tỉnh Đắk Lắk giao quyền sở hữu nhà ở cho vợ chồng bà, theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 15/8/1992, trên diện đất 621m^2 tại phường Tân Lập, thị xã B (nay là phường T, thành phố B); Diện tích đo đạc thực địa là 738,5m^2. Năm 1992, vợ chồng bà tặng cho ông Y T thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09; ông Y T đã xây dựng nhà ở trên thửa đất 01 vào năm 1992 và sử dụng ổn định đến nay. Việc ông Y T khởi kiện, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính; Điều 5 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y T Kbuôr.

1. Hủy một phần Quyết định số 10201/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà

nước thu hồi đất để xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại khối 6, phường T, thành phố B; Hủy Công văn số 100/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Y T Kbuôr.

2. Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Y T, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, tại phường T, thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 22/8/2023, người bị kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy;

[1.1] Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 09, diện tích 181,3m^2; thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, diện tích 341,9m^2 và thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09, diện tích 215,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc thuộc diện tích đất 621m^2 mà UBND tỉnh Đắk Lắk giao quyền sở hữu nhà ở cho vợ chồng ông Y N Kbuôr và bà H Niê, theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 15/8/1992. Tổng diện tích đo đạc thực địa của 03 thửa đất là 738,5m^2.

Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất đối với 03 thửa đất nêu trên, ngày 08/6/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và UBND phường Tân Lập đã tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và xác định ông Y T Kbuôr là người đang sử dụng thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09; ông Y T1 Kbuôr là anh trai ông Y T, đang sử dụng thửa đất số 03, tờ bản đồ số 09; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B và UBND phường Tân Lập xác định ông Y T xây dựng nhà ở trên thửa đất số 01 vào năm 1992 và xây dựng các công trình kiến trúc khác trên thửa đất số 02 vào năm 2010. Căn cứ vào lời trình bày của bà H Niê, là mẹ ông Y T, thì toàn bộ diện tích đất 738,5m^2 mà UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho vợ chồng bà theo Quyết định số

448/QĐ-UB ngày 15/8/1992, vợ chồng bà đã tặng cho các con của mình sử dụng làm nhà ở; Ông Y T được vợ chồng bà tặng cho thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09. Do diện tích đất 738,5m^2 nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng bà H Niê chưa làm thủ tục tặng cho các con của mình quyền sử dụng đất; Thực tế ông Y T sử dụng ổn định 02 thửa đất nêu trên từ năm 1992 và không có tranh chấp nên đủ điều kiện để nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, được quy định tại khoản 2 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Việc UBND thành phố B thu hồi thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09 của người đang sử dụng đất là ông Y T nhưng lại ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Y N Kbuôr và bà H Niê là không đúng đối tượng người sử dụng đất, vi phạm Điều 5 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[1.2] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Y T hủy một phần Quyết định số 10201/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất cho ông Y T, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 09, tại phường T, thành phố B là có căn cứ để chấp nhận.

[1.3] Đối với Công văn số 100/CV-TTPTQĐ ngày 16/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có nội dung của quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Y T, liên quan đến yêu cầu khởi kiện; do có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên Bản án sơ thẩm hủy công văn nêu trên là đúng pháp luật.

[2] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y T Kbuôr là đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do người kháng cáo bị bác kháng cáo nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người bị kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2023/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố của thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004057 ngày 28/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái